

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/03/2021
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1012/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: tổ N, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N và ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông Nguyễn H chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng 02 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Ngày 01/6/2020 bà đã nộp đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân huyện

Long Thành nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn đoàn tụ, tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng vẫn xảy ra bất đồng và thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn Hải Hồng A sinh ngày 11/6/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- *Theo nội dung bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn H trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Thanh N kết hôn với nhau từ năm 2005, hôn nhận tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn cãi vã, tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh do những nguyên nhân nhỏ nhặt, chưa đến mức trầm trọng, do đó ông không đồng ý ly hôn với bà N, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng ông hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn Hải Hồng A sinh ngày 11/6/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi 01 con chung và đồng ý để bà N nuôi 01 con chung, tùy theo nguyện vọng của các con, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và giao 02 con chung là Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn Hải Hồng A sinh ngày 11/6/2017

cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, đương sự tự thỏa thuận; về nợ chung, đương sự trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 04/10/2005, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N trình bày, Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng 02 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Ngày 01/6/2020 bà đã nộp đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn đoàn tụ, tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng vẫn xảy ra bất đồng và thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Theo ông H trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng ông hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn cãi vã, tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh do những nguyên nhân nhỏ nhặt, chưa đến mức trầm trọng, do đó ông không đồng ý ly hôn với bà N, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng ông hòa giải đoàn tụ.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái thể hiện trong quá trình chung sống giữa bà N và ông H có phát sinh mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được do địa phương không nhận được thông tin cũng như yêu cầu giải quyết về mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông H.

Xét lời khai của các đương sự cũng như các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn H là có thật, mặc dù ông H cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông

chưa đến mức trầm trọng, tuy nhiên theo chứng cứ do bà N cung cấp cho thấy bà N đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn ông H vào tháng 07/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn, tuy nhiên đến tháng 11/2017 bà N tiếp tục nộp đơn ly hôn, như vậy, trong suốt khoảng thời gian xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay, cả bà N và ông H đều không tìm được biện pháp phù hợp để khắc phục, giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để tạo điều kiện cho bà N và ông H đoàn tụ, tuy nhiên ông H vắng mặt tại buổi hòa giải còn bà N vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã thực sự trầm trọng, do mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn Hải Hồng A sinh ngày 11/6/2017. Ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Theo ý kiến ông H thì trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 01 con chung và đồng ý để bà N nuôi 01 con chung, tùy theo nguyện vọng của các con, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, theo lời khai của cháu Nguyễn H Đ thể hiện nguyện vọng cháu muốn được ở cùng với mẹ, đối với cháu Nguyễn H Hồng A sinh năm 2017 hiện đang còn nhỏ nên giao cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Theo chứng cứ do bà N cung cấp thể hiện bà có công việc và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N, giao 02 con chung là Nguyễn H Đ, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn H Hồng A sinh ngày 11/6/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn Hải Hồng A sinh ngày 11/6/2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn H không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp tại biên lai số 0005083 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà N đã nộp đủ án phí.

Bà N, ông H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS (2)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Ngọc